

Bản án số: 208/2026/HS-ST
Ngày 25-8-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quảng Văn Tiễn và bà Lò Thị Thành.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Tòng Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La tham gia phiên toà:** Ông Giàng A Mơ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 209/2026/TLST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2026/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. **Lường Văn P**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 10 tháng 10 năm 1977, tại xã N, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: **Bản P, xã N, tỉnh Sơn La**; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ, Đảng, đoàn thể: Không; con ông **Lường Văn N** (đã chết) và bà **Lường Thị D**; bị cáo có vợ là **Lò Thị B** và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 20/7/2007 Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 11/3/2009; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/3/2026 đến nay. Có mặt.

2. **Lò Văn T**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 10 tháng 5 năm 1977, tại xã N, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: **Bản P, xã N, tỉnh Sơn La**; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: Không; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ, Đảng, đoàn thể: Không; con ông **Lò Văn T1** (đã chết) và bà **Lò Thị N1**; bị cáo có vợ Lò Thị É và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/3/2026 đến nay. Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Lò Thị É, sinh năm 1978; Nơi cư trú: **Bản P, xã N, tỉnh Sơn La**. Có mặt.

Người làm chứng: **Tòng Văn T2**. Vắng mặt.

Người phiên dịch: Ông **Cút Văn C** - Công tác tại: **Phân trại tạm giam S**, trại giam **Công an tỉnh S**. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 08 giờ 30 phút, ngày 12/3/2026, tổ công tác **Công an xã S** phối hợp với **Công an xã N**, tỉnh Sơn La làm nhiệm vụ tại bản Pàn, **xã N, tỉnh Sơn La** phát hiện bắt quả tang **Lò Văn T** (có lý lịch nêu trên) đang có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ: 01 gói nilon màu trắng bên trong chứa 04 viên nén màu hồng và 01 gói nilon màu xanh bên trong chứa chất bột liên kết màu trắng. **Lò Văn T** khai nhận 04 viên nén màu hồng là Methamphetamine, chất bột liên kết màu trắng là Heroine, mua được của **Lường Văn P** (có lý lịch nêu trên) vào ngày 11/3/2026, nhằm mục đích để sử dụng.

Tổ công tác đã lập biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng, dẫn giải **Lò Văn T** về **Công an tỉnh S** (khu vực **Sông M**) để điều tra làm rõ, tạm giữ của **Lò Văn T** 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave A màu đen, biển kiểm soát 26C1-271.48 (xe đã qua sử dụng).

Ngày 12/3/2026 **Công an xã S** đã triệu tập **Lường Văn P** đến làm việc, tại **Công an xã S**, **Lường Văn P** khai nhận ngày 11/3/2026 có được bán 08 viên hồng phiến và một lượng Heroine cho **Lò Văn T** với số tiền 700.000 đồng và bán 02 viên hồng phiến cùng một lượng nhỏ Heroine cho **Tòng Văn T2**, sinh năm 1976, trú tại bản Nà Tòng, **xã N** với số tiền 200.000 đồng. Ngày 12/3/2026, Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh S** đã thi hành Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với **Lường Văn P** về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy, vật chứng thu giữ: 900.000 đồng.

Ngày 13/3/2026, Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an tỉnh S** đã tiến hành mở niêm phong, xác định số lượng, khối lượng số ma túy thu giữ của **Lò Văn T**, kết quả: 04 viên nén màu hồng có tổng khối lượng 0,34 gam, lấy toàn bộ 0,34 gam làm mẫu gửi giám định ký hiệu “T1”. Chất bột liên kết màu trắng có khối lượng 0,019 gam, lấy toàn bộ 0,019 gam làm mẫu gửi giám định ký hiệu “T2”. Cơ quan **Công an tỉnh S** ra quyết định trưng cầu giám định chất ma túy và loại ma túy

Ngày 13/3/2026 tại **Công an xã S** đã tiến hành lập biên bản thu mẫu nước tiểu của **Lường Văn P**, ký hiệu P1 gửi giám định.

Tại kết luận giám định số: 531/KL-KTHS ngày 19/3/2026 của **Phòng K Công an tỉnh S**, kết luận: Mẫu gửi giám định ký hiệu T1 là ma túy, loại chất Methamphetamine, khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,34 gam. Mẫu gửi giám định ký hiệu T2 là ma túy, loại chất Heroine, khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,019 gam. Mẫu giám định đã sử dụng hết trong quá trình giám định không hoàn lại.

Kết luận giám định số 532/KL-KTHS ngày 19/3/2026 của Phòng K - Công an tỉnh S, kết luận: Mẫu giám định ký hiệu P1 có chất ma túy, loại chất Morphine, Methamphetamine, A, M. Mẫu giám định đã sử dụng hết trong quá trình giám định không hoàn lại.

Kết luận giám định số 528/KL-KTHS ngày 19/3/2026 của Phòng K - Công an tỉnh S, kết luận: Số tiền VNĐ gửi giám định là tiền thật. H lại toàn bộ số tiền 900.000 đồng gửi giám định.

Ngày 13/3/2026, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh S đã phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, các cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường nơi Lường Văn P sử dụng ma túy. Hiện trường nơi Lường Văn P thực hiện hành vi Mua bán trái phép chất ma túy và sử dụng trái phép chất ma túy được xác định là tại nhà ở của Lường Văn P tại bản Pàn, xã N, tỉnh Sơn La. Quá trình khám nghiệm tổ công tác đã tiến hành đo đạc, chụp ảnh theo quy định. Tại hiện trường thu giữ 01 bật lửa ga. Lường Văn P khai nhận dùng để sử dụng ma túy.

Ngày 09/6/2026 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh S phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 tiến hành thực nghiệm điều tra, kết quả: Phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản ghi lời khai của các bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Lường Văn P, Lò Văn T và Tòng Văn T2 khai nhận: Trước tết âm lịch năm 2026, Lường Văn P cầm theo số tiền 300.000 đồng đi bộ từ nhà ở bản P, xã N, tỉnh Sơn La lên bản T, xã C, tỉnh Sơn La để tìm mua ma túy sử dụng và bán kiếm lời. Khi đến bản Ten U, P gặp và hỏi mua được của một người đàn ông không quen biết đang đi bộ ven đường 01 gói nilon màu trắng bên trong có chứa 13 viên hồng phiến và 01 gói nilon màu xanh bên trong có chứa Heroine với giá 300.000 đồng rồi đi bộ quay về nhà. Khi về đến nhà P lấy 01 viên hồng phiến trộn với H1 sử dụng bằng hình thức đốt, hít vào cơ thể. Sử dụng ma túy xong, P vò giấy bạc rồi vứt đi. Số ma túy còn lại Phương gói lại như ban đầu rồi cất giấu trên đầu giường ngủ của mình, để sử dụng dần và bán kiếm lời. Ngày 09/3/2026, P lấy gói ma túy rồi đi ra nhà vệ sinh của gia đình lấy 02 viên hồng phiến cùng một phần nhỏ Heroine ra cho vào mảnh giấy bạc và dùng bật lửa đốt hít vào cơ thể, sử dụng ma túy xong P vứt mảnh giấy còn bật lửa ga P cầm theo đi vào trong nhà rồi cất giấu gói ma túy ở chỗ cũ.

Đến khoảng 12 giờ ngày 11/3/2026, P đang đứng trước cửa nhà mình thì có Lò Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 26C1-271.48 chở theo sau là Tòng Văn T2, sinh năm 1976, trú tại bản Nà Tòng, xã N, tỉnh Sơn La đến nhà P hỏi mua ma túy, (T mang số tiền 700.000 đồng còn T2 mang số tiền 200.000 đồng). Khi gặp P thì T đưa cho P số tiền 700.000 đồng còn T2 đưa cho P số tiền 200.000 đồng để mua ma túy. P nhận tiền rồi đi vào trong nhà còn T và T2 đợi ở trước cửa nhà. Sau đó P dùng mảnh nilon màu trắng gói 08 viên hồng phiến và 01 gói nilon màu xanh chứa ít Heroine; P tiếp tục dùng mảnh nilon màu vàng gói 02 viên hồng phiến và ít Heroine thành hai gói rồi đi ra đưa cho T gói nilon màu trắng chứa 08 viên hồng phiến và H1; đưa cho T2 gói nilon chứa 02 viên

hồng phiến và một phần Heroine. **T** nhận được gói ma túy màu trắng và cất giấu vào trong người, còn **T2** cất gói ma túy màu vàng trong người. Sau đó, **T** điều khiển xe chở **T2** đi về nhà **T**. Về đến nhà **T** thì **T2** đi bộ về nhà tại bản Nà Tông và đã sử dụng hết số ma túy mua được từ **P** bằng hình thức đốt hít vào cơ thể. Trong khoảng thời gian từ khi mua được ma túy đến tối cùng ngày **T** đã lấy 04 viên Hồng phiến và một phần Heroine ra sử dụng hết, còn 04 viên hồng phiến và một phần Heroine Thương gói lại như ban đầu cất giấu trong túi quần bên trái đang mặc để sử dụng dần. Đến khoảng 08 giờ 30 phút ngày 12/3/2026, khi **T** đang ở nhà thì bị tổ công tác Công an xã **S** và Công an xã **N** phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng.

Ngoài ra bị cáo **Lường Văn P** thừa nhận trước khi phạm tội bị cáo đang trong thời gian điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone theo: Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng số: 132/QĐ-UBND, ngày 27/5/2025 của UBND xã **N**, tỉnh Sơn La với thời gian điều trị cai nghiện Methadone từ ngày 25/5/2025. Thông báo số 221/TTYT-MMT ngày 03/6/2025 của Trung tâm y tế - huyện **S** về tiếp nhận điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế đối với **Lường Văn P**, ngày bắt đầu điều trị 30/5/2025, chưa có thông báo đã hoàn thành thời gian cai nghiện tự nguyện của cấp có thẩm quyền.

Bản cáo trạng số: 147/CT-VKSSL-KV, ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La truy tố bị cáo **Lường Văn P** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 2 Điều 251 và tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo **Lò Văn T** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Các bị cáo thành khẩn khai báo, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La đã truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai, các bị cáo không khai báo gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La giữ nguyên quan điểm truy tố **Lường Văn P** về tội Mua bán trái phép chất ma túy và tội Sử dụng trái phép chất ma túy. Truy tố **Lò Văn T** về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố **Lường Văn P** phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy và tội Sử dụng trái phép chất ma túy. Tuyên bố **Lò Văn T** phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 251; điểm a khoản 1 Điều 256a; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt **Lường Văn P** từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 08 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, từ 02 năm đến 02 năm 02 tháng tù về tội Sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt hai tội theo quy định.

Không áp dụng hình phạt bổ sung - phạt tiền đối với bị cáo.

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 38; của Bộ luật Hình sự. Xử phạt **Lò Văn T** từ 03 năm 06 tháng đến 03 năm 09 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Không áp dụng hình phạt bổ sung - phạt tiền đối với bị cáo.

2. Về vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, khoản 1, điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ: 01 phong bì thư do **bưu điện V** phát hành. Mặt trước phong bì ghi: Vật chứng lưu kho vụ **Lò Văn T**, sinh năm 1977, trú tại: **Bản P, xã N, tỉnh Sơn La** hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, gồm 01 mảnh nilon màu trắng và 01 mảnh nilon màu xanh; 01 chiếc bật lửa màu xanh dương, trên đầu có chữ H-VIET (đã qua sử dụng).

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 900.000 đồng (chín trăm đồng) tiền **Ngân hàng N2**.

Trả lại cho bà Lò Thị É 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave A, màu đen, biển kiểm soát 26C1-271.48, số khung RLHYAS923M52619Y6, số máy JA39E-2382252 (xe đã qua sử dụng cũ).

3. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Tại phiên tòa: Các bị cáo nhất trí với cáo trạng và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận, đối đáp.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhất trí với quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát, không có tranh luận và đối đáp

Lời nói sau cùng các bị cáo đều xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra **Công an tỉnh S**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người được Tòa án triệu tập: Tại phiên tòa người làm chứng **Tòng Văn T2**, vắng mặt không có lý do, nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra, Đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không có đề nghị hoãn phiên tòa. Việc vắng mặt của **Tòng Văn T2** không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt **Tòng Văn T2** theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[3] Về tình tiết định tội: Tại phiên tòa các bị cáo **Lường Văn P** và **Lò Văn T** thừa nhận: **Lường Văn P** là người đang trong thời hạn cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo quyết định 132/QĐ-UBND ngày 27/5/2025 của Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Sơn La, ngày 09/3/2026 **Lường Văn P** đã thực hiện hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy loại Methamphetamine và H1 tại nhà ở của mình bản Pàn, xã N, tỉnh Sơn La. Ngày 11/3/2026 tại bản Pàn, xã N, tỉnh Sơn La **Lường Văn P** đã thực hiện hành vi bán trái phép cho **Lò Văn T** 08 viên hồng phiến (Methamphetamine) và một lượng nhỏ Heroine với giá 700.000đ và bán cho **Tòng Văn T2** 02 viên hồng phiến (Methamphetamine) và một lượng nhỏ Heroine với giá 200.000đ.

Ngày 12/3/2026 tại bản Pàn, xã N, tỉnh Sơn La, **Lò Văn T** đã thực hiện hành vi cất giữ trái phép 0,34 gam Methamphetamine và 0,019 gam Heroine (tổng là 0,359 gam), với mục đích để sử dụng thì bị bắt quả tang cùng vật chứng.

Tổng khối lượng ma túy **Lò Văn T** phải chịu trách nhiệm là 0,359 gam, trong đó 0,34 gam Methamphetamine và 0,019 gam Heroine (khi bị bắt quả tang). Tổng khối lượng ma túy **Lường Văn P** phải chịu trách nhiệm là $0,34 : 4 = 0,085$ gam (01 viên có trọng lượng 0,085 gam), khối lượng ma túy **Lường Văn P** đã bán cho **Lò Văn T** và **Tòng Văn T2** là $10 \times 0,085 = 0,85$ gam Methamphetamine và 0,019 gam Heroine. (Tổng khối lượng 02 chất ma túy là $0,85 \text{ gam} + 0,019 \text{ gam} = 0,869 \text{ gam}$).

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết quả điều tra được chứng minh như sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Biên bản khám xét; Biên bản thực nghiệm điều tra; Vật chứng thu giữ trong vụ án; Biên bản bóc mở niêm phong, cân tịnh, trích rút mẫu giám định và niêm phong lại vật chứng; kết luận giám định; lời khai của người làm chứng; Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng số 132/QĐ-UBND ngày 27/5/2025; Thông báo số 221/TTYT-MMT ngày 03/6/2025 của Trung tâm Y tế huyện S về tiếp nhận điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của bị cáo **Lường Văn P** đã phạm vào tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 2 Điều 251 và tội Sử dụng trái phép chất ma túy theo điểm a khoản 2 Điều 256a Bộ luật Hình sự. Bị cáo **Lò Văn T** đã phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, vai trò của các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo **Lò Văn T** sau khi bị bắt đã tích cực giúp đỡ cơ quan CSĐT có căn cứ khởi tố thêm bị cáo **Lường Văn P**, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Các bị cáo **Lường Văn P**, **Lò Văn T** có nhân thân xấu, là đối tượng nghiện chất ma túy. Bị cáo **Lường Văn P** đã từng bị kết án cụ thể ngày 20/7/2007 Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 11/3/2009. Tuy nhiên, **Lò Văn T** và **Lường Văn P** không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện mà tiếp tục lún sâu vào con đường phạm tội.

Phân hóa vai trò phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Trong vụ án này các bị cáo phạm tội với vai trò độc lập, không phải đồng phạm.

[5] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nhưng do nghiện chất ma túy và háms lợi bất chính nên các bị cáo đã thực hiện tội phạm. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Do vậy cần xem xét cân nhắc xử phạt các bị cáo mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi thực hiện tội phạm của các bị cáo. Việc cách ly các bị cáo một thời gian là cần thiết, có như vậy mới có thể đảm bảo được điều kiện và thời gian để các bị cáo cải tạo, giáo dục trở thành người tốt có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời nhằm răn đe phòng ngừa giáo dục chung.

Bị cáo **Lường Văn P** phạm nhiều tội do đó cần áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra, xác minh và xét hỏi tại phiên tòa thấy rằng các bị cáo không có tài sản nên không phạt bổ sung - phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định của khoản 5 Điều 249, khoản 6 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về vật chứng: Đối với 01 phong bì thư do **bưu điện V** phát hành. Mặt trước phong bì ghi: Vật chứng lưu kho vụ **Lò Văn T**, sinh năm 1977, trú tại: **Bản P, xã N, tỉnh Sơn La** hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, gồm 01 mảnh nilon màu trắng và 01 mảnh nilon màu xanh; 01 chiếc bật lửa màu xanh dương, trên đầu có chữ H-VIET (đã qua sử dụng). Là công cụ dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave A, màu đen, biển kiểm soát 26C1-271.48, số khung RLHYAS923M52619Y6, số máy JA39E-2382252 (xe đã qua sử dụng cũ). Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa xác định là tài sản chung của vợ, chồng **Lò Văn T**, **Lò Thị É**, việc bị cáo **Lò Văn T** sử dụng xe dùng làm phương tiện thực hiện phạm tội bà **Lò Thị É** không biết và không liên quan, bà **É** có nguyện vọng nhận lại tài sản. Tra cứu xe trong cơ sở dữ liệu vật chứng

của Công an tỉnh S, kết quả xe không có trong cơ sở dữ liệu vật chứng của vụ án khác. Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, khoản 1 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự cần trả lại cho bà Lò Thị É.

Đối với số tiền 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Lương Văn P. Số tiền này Lương Văn P có được do bán ma túy cho Lò Văn T và Tòng Văn T2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

[8] Về các vấn đề khác liên quan đến vụ án: Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo Lương Văn P như bị cáo khai. Quá trình điều tra không xác định được lai lịch, địa chỉ của những người này do đó không có căn cứ để điều tra xử lý.

Đối với hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” của Lò Văn T: Kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể của Lò Văn T ngày 12/3/2026, kết quả: Dương tính với chất ma túy trong cơ thể, quá trình điều tra xác định Lò Văn T không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 256a Bộ luật Hình sự nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh S không đặt vấn đề xử lý đối với Lò Văn T về tội Sử dụng trái phép chất ma túy theo Điều 256a BLHS là có căn cứ.

Đối với đối Tòng Văn T2, ngày 11/3/2026 đã mua 02 viên hồng phiến và một lượng nhỏ Heroine với số tiền là 200.000 đồng của Lương Văn P. Quá trình điều tra Thường thừa nhận ngày 11/3/2026 có được cùng Lò Văn T đến nhà P mua ma túy của P 200.000 đồng, mục đích mua ma túy là để sử dụng, không có mục đích khác. Số ma túy mua được của P đã sử dụng hết. Do T2 đã sử dụng hết số ma túy mua được của P không thu giữ được vật chứng để giám định nên không có căn cứ để xử lý đối với Tòng Văn T2 về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể Tòng Văn T2, kết quả: Dương tính với chất ma túy. Quá trình điều tra xác định Tòng Văn T2 không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 256a Bộ luật Hình sự nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh S không đặt vấn đề xử lý đối với Tòng Văn T2 về tội Sử dụng trái phép chất ma túy theo Điều 256a BLHS. Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của T2 đã vi phạm quy định tại khoản 1 điều 30 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ. Ngày 12/3/2026, Công an xã N đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Tòng Văn T2 là có căn cứ.

[9] Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa các bị cáo có ý kiến đề nghị xin được miễn án phí. Do đó, cần miễn án phí hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

[10] Xét thời hạn tạm giam của các bị cáo còn dưới 45 ngày nên cần tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 251; điểm a khoản 1 Điều 256a; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Lường Văn P** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo **Lường Văn P** 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo **Lường Văn P** 02 (hai) năm tù về tội Sử dụng trái phép chất ma túy.

Tổng hợp hình phạt của hai tội. Buộc **Lường Văn P** phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 09 (chín) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 12/3/2026.

Không áp dụng hình phạt bổ sung - phạt tiền đối với bị cáo.

2. Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 38; của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Lò Văn T** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo **Lò Văn T** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 12/3/2026.

Không áp dụng hình phạt bổ sung - phạt tiền đối với bị cáo

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, khoản 1, điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ: 01 phong bì thư do **bưu điện V** phát hành. Mặt trước phong bì ghi: Vật chứng lưu kho vụ **Lò Văn T**, sinh năm 1977, trú tại: **Bản P, xã N, tỉnh Sơn La** hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, gồm 01 mảnh nilon màu trắng và 01 mảnh nilon màu xanh; 01 chiếc bật lửa màu xanh dương, trên đầu có chữ H-VIET (đã qua sử dụng).

Trả lại cho bà Lò Thị É: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave A, màu đen, biển kiểm soát 26C1-271.48, số khung RLHYAS923M52619Y6, số máy JA39E-2382252 (xe đã qua sử dụng cũ).

*Hiện đang lưu giữ tại Kho vật chứng thuộc Phân trại tạm giam Sông Mã - PC11, **Công an tỉnh S** theo Phiếu nhập kho vật chứng số 107/PNK ngày 19/3/2026.*

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng) tiền **Ngân hàng N2**.

*Hiện đang lưu giữ tại Phòng giao dịch số 10 – Kho bạc Nhà nước khu vực X, theo Lệnh nhập kho vật chứng số C570/LNK-CSMT ngày 08/4/2026 của Cơ quan CSĐT và Biên bản giao nhận tài sản số: 39/2026/BBBG-CSMT ngày 08/4/2026 của **Công an tỉnh S** và **Phòng G** – Kho bạc Nhà nước khu vực X.*

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 25/8/2026.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 3 – Sơn La;
- Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- THAHS;
- Phòng THADS khu vực 3 - Sơn La;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Kiên